

# Hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam về ly hôn có yếu tố nước ngoài

Ngô Minh Phương Thảo\*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## TÓM TẮT

Toàn cầu hóa là cầu nối để các quốc gia xích lại gần nhau hơn, không chỉ lĩnh vực lao động và thương mại quốc tế phát triển mà quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài ngày càng trở nên phổ biến. Trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thì ly hôn có yếu tố nước ngoài là một nội dung quan trọng luôn nhận được sự quan tâm nhất định của các nhà làm luật. Hiện nay, các quy định của Tư pháp quốc tế Việt Nam điều chỉnh quan hệ ly hôn có yếu tố nước ngoài tương đối đầy đủ, có thể giải quyết được phần lớn những vấn đề liên quan phát sinh từ thực tiễn, bảo vệ được quyền lợi của công dân Việt Nam, đặc biệt là người phụ nữ. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể từ các điều khoản xác định thẩm quyền của Tòa án quốc gia đối với vụ việc ly hôn có yếu tố nước ngoài đến cách thức xác định pháp luật áp dụng cho quan hệ pháp lý này thì vẫn còn một số vướng mắc cần phải được làm rõ. Từ kinh nghiệm trong ngành luật Tư pháp quốc tế của các nước, mà cụ thể là pháp luật EU và Tư pháp quốc tế Bỉ quy định về ly hôn có yếu tố nước ngoài, bài viết sẽ chỉ ra một số bất cập cơ bản, đồng thời góp phần đề xuất các giải pháp hoàn thiện tương ứng cho pháp luật Việt Nam cũng như phù hợp với nền tảng kinh tế, chính trị và xã hội của nước ta.

**Từ khoá:** Ly hôn có yếu tố nước ngoài, thẩm quyền tòa án, pháp luật áp dụng, Tư pháp quốc tế

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với quá trình toàn cầu hóa, sự phát triển của khoa học - công nghệ và giao lưu quốc tế không chỉ tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực kinh tế mà còn làm biến đổi sâu sắc xã hội của một quốc gia. Những gia đình đa quốc tịch xuất hiện ngày càng nhiều làm tiền đề cho sự hình thành các vụ việc ly hôn xuyên biên giới (có yếu tố nước ngoài) với tình tiết ngày càng phức tạp. Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Theo Điều 3.14 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Đối với ly hôn có yếu tố nước ngoài thì các nhà làm luật Việt Nam không đưa ra khái niệm cụ thể cho quan hệ pháp lý này. Tuy nhiên, chúng ta có thể dựa vào Điều 3.25 Luật hôn nhân và gia đình 2014 để định nghĩa, theo đó, ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau: (i) ít nhất một bên tham gia là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; (ii) các bên tham gia là công dân Việt Nam nhưng căn cứ để chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài, phát sinh tại nước ngoài hoặc (iii) tài sản liên quan đến quan hệ đó ở nước ngoài<sup>3</sup>.

<sup>3</sup>Theo quan điểm của tác giả, Điều 3.25 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên được sửa đổi theo hướng phù hợp với quy định tại Điều 663.2 BLDS 2015 về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài như sau:

Tư pháp quốc tế Việt Nam nghiên cứu ly hôn có yếu tố nước ngoài dưới 03 góc độ: (a) Xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam (giải quyết xung đột thẩm quyền) đối với vụ việc ly hôn có yếu tố nước ngoài; (b) Xác định pháp luật áp dụng (giải quyết xung đột pháp luật) trong ly hôn có yếu tố nước ngoài và; (c) Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định ly hôn của Tòa án nước ngoài. Quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến các nội dung trên về cơ bản đã đáp ứng được các yêu cầu từ thực tiễn, thế nhưng, vẫn còn rất nhiều tình huống có thể xảy ra nhưng thiếu vắng quy định pháp luật tương ứng.

Bài viết này sẽ góp phần đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam điều chỉnh ly hôn có yếu tố nước ngoài ở hai phương diện chính là xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam và xác định pháp luật áp dụng giải quyết vụ việc ly hôn có yếu tố nước ngoài. Riêng đối với vấn đề công nhận và cho thi hành bản án, quyết định ly hôn của Tòa án nước ngoài sẽ được tác giả đề cập ở một bài

“Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài là quan hệ mà ít nhất một trong các bên tham gia là người nước ngoài hoặc; Các bên tham gia đều là công dân Việt Nam nhưng căn cứ để xác lập, thay đổi, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ đó xảy ra ở nước ngoài hoặc; Các bên tham gia đều là công dân Việt Nam nhưng đối tượng của quan hệ đó ở nước ngoài”. Đối với chủ thể là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, nếu còn giữ quốc tịch Việt Nam thì họ là công dân Việt Nam, ngược lại, đối tượng này là công dân nước ngoài.

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM, Việt Nam

### Liên hệ

Ngô Minh Phương Thảo, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM, Việt Nam

Email: thaonmp@uel.edu.vn

### Lịch sử

- Ngày nhận: 12/01/2021
- Ngày chấp nhận: 21/5/2021
- Ngày đăng: 30/5/2021

DOI: 10.32508/stdjelm.v5i3.751



### Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



**Trích dẫn bài báo này:** Thảo N M P. Hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam về ly hôn có yếu tố nước ngoài. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 5(3):1611-1618.

viết khác.

## THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN VIỆT NAM ĐỐI VỚI VỤ VIỆC LY HÔN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Trong các Hiệp định tương trợ tư pháp được ký kết giữa Việt Nam và các nước<sup>b</sup>, nguyên tắc chung để xác định thẩm quyền của Tòa án Nước ký kết đối với vụ việc ly hôn có yếu tố nước ngoài như sau<sup>c</sup>:

- Nếu hai vợ chồng cùng quốc tịch thì Tòa án Nước ký kết nơi vợ chồng là công dân có thẩm quyền;
- Nếu hai vợ chồng không cùng quốc tịch thì Tòa án Nước ký kết nơi vợ chồng cùng cư trú có thẩm quyền;
- Nếu hai vợ chồng không cùng quốc tịch và không cùng nơi cư trú thì Tòa án Nước ký kết nhận được đơn khởi kiện hoặc đơn yêu cầu trước có thẩm quyền.

Theo quy định tại Điều 469.1.d Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây BLTTDS 2015), Tòa án Việt Nam có thẩm quyền chung đối với vụ việc ly hôn có yếu tố nước ngoài mà trong đó:

- Nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam. Đây là trường hợp công dân Việt Nam ly hôn với công dân nước ngoài mà một trong các bên đương sự ở Việt Nam hoặc các đương sự đều ở nước ngoài.
- Các đương sự là người nước ngoài cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam<sup>d</sup>.

Ngoài ra, đối với các trường hợp sau thì Tòa án Việt Nam có thẩm quyền riêng biệt (Điều 470.1.b BLTTDS 2015):

- Vụ án ly hôn giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài<sup>e</sup> nếu cả hai vợ chồng cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở Việt Nam;

<sup>b</sup>Hiện nay, Việt Nam đã ký kết 18 Hiệp định tương trợ tư pháp với các quốc gia trong lĩnh vực tư pháp quốc tế. Xem thêm:<sup>1</sup>.

<sup>c</sup>Ví dụ, Điều 25 HĐTTTP Việt Nam - Cuba; Điều 27 HĐTTTP Việt Nam - Lào; Điều 25 HĐTTTP Việt Nam - Liên Bang Nga; Điều 26 HĐTTTP Việt Nam - Ucraina; Điều 26 HĐTTTP Việt Nam - Mông Cổ; Điều 28 HĐTTTP Việt Nam - Belarus;...

<sup>d</sup>Pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có quy định cụ thể để làm rõ cụm từ “cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam”. Tuy nhiên, có thể căn cứ vào [2, Điều 3.5] và [3, Điều 3; Điều 31 – Điều 43], nếu như người nước ngoài đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam để được cấp Thẻ tạm trú và Thẻ thường trú thì họ thuộc đối tượng cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam. Cách hiểu như trên sẽ mở rộng phạm vi thẩm quyền của Tòa án Việt Nam lên các đối tượng này thay vì chỉ ảnh hưởng đến đối tượng “thường trú” tại Việt Nam.

<sup>e</sup>Người nước ngoài là người không có quốc tịch Việt Nam [2, Điều 3.1].

- Vụ án ly hôn giữa công dân Việt Nam với người không quốc tịch<sup>f</sup>, nếu cả hai vợ chồng cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở Việt Nam.

Tòa án Việt Nam cũng có thẩm quyền riêng biệt đối với yêu cầu ly hôn (không có yếu tố tranh chấp) giữa công dân Việt Nam và công dân nước ngoài hoặc người không quốc tịch nếu các bên đều cư trú, làm ăn, sinh sống tại Việt Nam theo quy định tại Điều 470.2.a BLTTDS 2015.

Như vậy, pháp luật Việt Nam sử dụng yếu tố “quốc tịch” và yếu tố “nơi cư trú” để xác định thẩm quyền của Tòa án đối với vụ việc ly hôn có yếu tố nước ngoài. Đây là hai yếu tố có mối liên hệ mật thiết nhất với ly hôn, gắn liền với nhân thân của một cá nhân. Đặc biệt, yếu tố “quốc tịch” rất được chú trọng, là một tiêu chí cơ bản để xác định thẩm quyền của Tòa án quốc gia liên quan đến vụ việc này<sup>g</sup>.

Có thể thấy, Tòa án Việt Nam có thẩm quyền chung<sup>h</sup> hay thẩm quyền riêng biệt<sup>i</sup> là phụ thuộc vào “nơi thường trú” của các đương sự (và một trong các bên đương sự này là công dân Việt Nam). Nếu các đương sự thường trú tại Việt Nam thì Tòa án Việt Nam có thẩm quyền riêng biệt, ngược lại, nếu các bên không thường trú tại Việt Nam thì Tòa án Việt Nam có thẩm quyền chung.

Thực tiễn xét xử của Tòa án Việt Nam cho thấy, việc phân biệt thẩm quyền chung hay thẩm quyền riêng biệt của Tòa án đối với từng vụ việc ly hôn cụ thể không phải lúc nào cũng dễ dàng. Thậm chí, Tòa án thường có xu hướng viện dẫn cả Điều 469.1.d và Điều 470.1.b của BLTTDS 2015 để xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam, trong khi nội dung của các quy định này là hoàn toàn khác nhau.

Chẳng hạn, theo Bản án số 03/2018/HNGĐ-ST ngày 22/11/2018 của TAND tỉnh Đắk Lắk<sup>5</sup>, chị Nguyễn Thị Cẩm T (công dân Việt Nam) và anh William Kin-SW (Wong W- công dân Canada) kết hôn với nhau dựa

<sup>f</sup>Người không quốc tịch là người không có quốc tịch Việt Nam cũng không có quốc tịch nước ngoài [2, Điều 3.2].

<sup>g</sup>Các nhà làm luật Việt Nam dường như “ưu ái” nguyên tắc luật quốc tịch so với nguyên tắc luật nơi cư trú. Vấn đề này xuất phát từ rất nhiều nguyên nhân. Riêng đối với ly hôn có yếu tố nước ngoài, theo quan điểm của tác giả, thì đây là một trong những cách thức hữu hiệu để bảo vệ quyền lợi của công dân Việt Nam, đặc biệt là phụ nữ Việt Nam khi mà thực tế cho thấy, số lượng phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài đang ngày càng gia tăng.

<sup>h</sup>Thẩm quyền chung được hiểu là Tòa án Việt Nam và Tòa án quốc gia liên quan đều có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài đó. Do đó, Tòa án nào nhận được đơn kiện trước thì Tòa án đó có thẩm quyền giải quyết.

<sup>i</sup>Thẩm quyền riêng biệt được hiểu là chỉ duy nhất Tòa án Việt Nam có thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài đó. Nếu Tòa án nước ngoài liên quan nhận được đơn kiện thì phải từ chối thụ lý, trường hợp Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết thì bản án được ban hành bởi Tòa án nước ngoài sẽ không được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam. Xem thêm: [4, Điều 439.4].

trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/4/2009. Sau khi kết hôn, anh Wong W về lại Canada sinh sống và không quay lại Việt Nam nữa. Do điều kiện xa cách, hai bên không thể chung sống với nhau như vợ chồng, nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Wong W mà không có tranh chấp về tài sản chung và con chung.

Dựa vào tình tiết ở trên, có thể kết luận, đây là vụ việc ly hôn có yếu tố nước ngoài. Thời điểm chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn tại TAND tỉnh Đắk Lắk thì chị T thường trú tại Việt Nam, còn anh Wong W thường trú tại Canada. Vì vậy, vụ việc này tương ứng với Điều 469.1.d BLTTDS 2015, do đó, thuộc thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam. Tuy nhiên, TAND tỉnh Đắk Lắk lại áp dụng Điều 469.1.d và Điều 470.1.b BLTTDS 2015 để xác định thẩm quyền của Tòa án. Cần lưu ý thêm là, Điều 470.1.b BLTTDS 2015 chỉ được áp dụng khi đó là vụ án ly hôn (có tranh chấp về tài sản hoặc quyền nuôi con hoặc cả hai) chứ không phải là yêu cầu về ly hôn (không có tranh chấp). Từ đó cho thấy, TAND tỉnh Đắk Lắk đã áp dụng chưa chính xác quy định của pháp luật.

Hay tại Bản án số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 22/01/2019 của TAND tỉnh Đồng Tháp, Tòa án cũng viện dẫn Điều 470.1.b BLTTDS 2015 để xác định thẩm quyền riêng biệt của Tòa án trong khi nội dung vụ việc cho thấy, đây cũng là yêu cầu ly hôn giữa các đương sự mà không có tranh chấp về tài sản chung cũng như quyền nuôi con. Mặt khác, thời điểm một trong các bên đương sự là công dân Việt Nam nộp đơn yêu cầu ly hôn, thì bên đương sự còn lại đang thường trú ở nước ngoài dù trước đó các bên đều cư trú tại Việt Nam<sup>6</sup>. Như vậy, vụ việc này chỉ thuộc thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam căn cứ vào Điều 469.1.d BLTTDS 2015.

Mặt khác, các Tòa án Việt Nam cũng không giải thích rõ ràng (và quy định của pháp luật cũng không đề cập đến) nơi thường trú chung của các đương sự được xác định tại thời điểm một trong các bên nộp đơn yêu cầu ly hôn hay thời điểm trước đó. Bởi lẽ, cách hiểu khác nhau sẽ dẫn đến cách thức áp dụng quy định của pháp luật sẽ khác nhau. Chẳng hạn, chị X (công dân Việt Nam) kết hôn với anh Y (công dân nước ngoài). Hai vợ chồng cùng sinh sống ổn định tại Việt Nam trong khoảng thời gian 03 năm. Vợ chồng cũng tạo lập được khối tài sản chung có giá trị. Đến năm thứ 4 thì các bên phát sinh mâu thuẫn, anh B trở về nước. Chị A nộp đơn tại Tòa án Việt Nam yêu cầu được ly hôn với anh B đồng thời phân chia tài sản chung.

Như vậy, tại thời điểm chị A nộp đơn ly hôn, hai vợ chồng không có cùng nơi thường trú, và nếu tính thời

điểm này thì Tòa án Việt Nam có thẩm quyền chung theo Điều 469.1.d BLTTDS 2015. Ngược lại, nếu xác định thời điểm hai vợ chồng cùng sinh sống trước đó thì Tòa án Việt Nam có thẩm quyền riêng biệt theo Điều 470.1.a BLTTDS 2015. Tác giả cho rằng, nơi thường trú của các bên đương sự sẽ được xác định tại thời điểm đương sự nộp đơn yêu cầu ly hôn<sup>7</sup>. Cách hiểu như vậy sẽ phù hợp và thống nhất với giai đoạn tiếp theo là xác định pháp luật áp dụng giải quyết vụ việc ly hôn có yếu tố nước ngoài khi mà “nơi thường trú chung của vợ chồng” được xác định tại thời điểm yêu cầu ly hôn [7, Điều 127.2].

Tóm lại, tác giả kiến nghị cần có văn bản hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam đối với vụ việc ly hôn có yếu tố nước ngoài theo hướng:

- *Vụ việc ly hôn được quy định tại Điều 469.1.d BLTTDS 2015 là vụ việc mà một trong các đương sự là công dân Việt Nam hoặc các đương sự là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu ly hôn.*

- *Vụ án ly hôn được quy định tại Điều 470.1.b BLTTDS 2015 là vụ án giữa công dân Việt Nam thường trú ở trong nước và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu ly hôn.*

- *Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam là trường hợp người nước ngoài có đủ điều kiện để được cấp Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú hoặc được cấp giấy miễn thị thực có thời hạn không quá 05 năm theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam 2014.*

## PHÁP LUẬT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI LY HÔN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Pháp luật áp dụng để điều chỉnh việc ly hôn có yếu tố nước ngoài được ghi nhận trong các Hiệp định tương trợ tư pháp được ký kết giữa Việt Nam và các nước<sup>8</sup>, về cơ bản là:

- *Pháp luật của Nước ký kết mà hai vợ chồng là công dân khi đưa đơn ly hôn;*

<sup>7</sup>Trường hợp sau khi Tòa án Việt Nam thụ lý mà một trong các bên đương sự thay đổi nơi cư trú thì không làm thay đổi tính chất thẩm quyền (thẩm quyền chung hoặc thẩm quyền riêng biệt) cũng như thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Xem thêm: [4, Điều 471].

<sup>8</sup>Điều 20 HĐTTTP Việt Nam – Tiệp Khắc; Điều 25 HĐTTTP Việt Nam – Cuba; Điều 33 HĐTTTP Việt Nam – Hungary; Điều 22 HĐTTTP Việt Nam – Bungary; Điều 26 HĐTTTP Việt Nam – Ba Lan; Điều 26 HĐTTTP Việt Nam – Ucraina; Điều 26 HĐTTTP Việt Nam – Mông Cổ;... Tuy nhiên, quy tắc xác định pháp luật áp dụng trong ly hôn có yếu tố nước ngoài ở các HĐTTTP được ký kết giữa Việt Nam với Lào (Điều 27); Việt Nam với Liên Bang Nga (Điều 26) và Việt Nam với Belarus (Điều 28) có một chút khác biệt, cụ thể như sau: (1) Pháp luật của Nước ký kết mà hai vợ chồng là công dân; (2) Pháp luật của Nước ký kết nơi hai vợ chồng cùng cư trú, nếu vợ chồng có quốc tịch khác nhau; (3) Pháp luật của Nước ký kết có Tòa án nhận được đơn kiện, nếu vợ chồng không cùng nơi cư trú.

- Nếu hai vợ chồng không có cùng quốc tịch, pháp luật áp dụng là pháp luật của Nước ký kết có Tòa án nhận được đơn kiện.

Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định về pháp luật áp dụng đối với ly hôn có yếu tố nước ngoài, theo đó:

(1) Việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau thường trú ở Việt Nam được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của Luật này.

Quy định tại Điều 127.1 ở trên được diễn giải thành 02 nội dung chính:

- Công dân Việt Nam ly hôn với công dân nước ngoài tại Tòa án Việt Nam thì pháp luật Việt Nam được áp dụng để điều chỉnh quan hệ này. Quy định này được áp dụng đối với: (i) Các bên đều thường trú tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu ly hôn và; (ii) Bên là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, (bên còn lại là công dân nước ngoài không thường trú tại Việt Nam) vào thời điểm yêu cầu ly hôn. Điều này có nghĩa là, nếu bên là công dân Việt Nam không thường trú tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu ly hôn thì sẽ tuân theo quy định tại Điều 127.2 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Tương tự, công dân nước ngoài ly hôn với nhau mà cả hai đều thường trú tại Việt Nam thì pháp luật Việt Nam cũng được áp dụng nếu các bên nộp đơn lên Tòa án Việt Nam yêu cầu ly hôn.

Ở cả hai trường hợp trên, các nhà làm luật Việt Nam đã áp dụng nguyên tắc luật nơi thường trú của vợ chồng<sup>1</sup> để giải quyết vấn đề xung đột pháp luật trong ly hôn có yếu tố nước ngoài.

(2) Trong trường hợp bên là công dân Việt Nam không thường trú ở Việt Nam vào thời điểm yêu cầu ly hôn thì việc ly hôn được giải quyết theo pháp luật của nước nơi thường trú chung của vợ chồng; nếu họ không có nơi thường trú chung thì giải quyết theo pháp luật Việt Nam.

Đây là quy định nối tiếp Điều 127.1, nếu bên là công dân Việt Nam không thường trú tại Việt Nam thì ưu tiên áp dụng pháp luật nơi thường trú chung của vợ chồng<sup>m</sup>, nếu các bên có nơi thường trú khác nhau thì pháp luật của nước có Tòa án giải quyết đơn kiện sẽ được áp dụng theo nguyên tắc Lex fori.

<sup>1</sup>Có thể là nơi thường trú chung của vợ chồng (xem thêm chú thích 13) hoặc nơi thường trú của một bên vợ, chồng (là công dân Việt Nam).

<sup>m</sup>"Nơi thường trú chung của vợ chồng" được quy định trong Tư pháp quốc tế Việt Nam phải được hiểu là Quốc gia mà vợ chồng cùng thường trú. Hay nói cách khác, vợ chồng không nhất thiết phải cùng chung sống dưới một mái nhà, một phường, một quận, một thành phố, một bang...mới được xem là có "nơi thường trú chung". Xem thêm: [8, tr.297].

(3) Việc giải quyết tài sản là bất động sản ở nước ngoài khi ly hôn tuân theo pháp luật của nước nơi có bất động sản đó.

Pháp luật xác định tại (1) và (2) được áp dụng để điều chỉnh các vấn đề về điều kiện ly hôn, phân chia tài sản là động sản giữa vợ và chồng, phân định quyền nuôi con... Riêng đối với tài sản là bất động sản thì hệ thuộc luật nơi có tài sản (lex rei sitae) được áp dụng triệt để. Quy định này được đánh giá là phù hợp và thống nhất giữa các quốc gia, nhằm tạo điều kiện dễ dàng hơn trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như vấn đề công nhận và cho thi hành bản án ly hôn liên quan đến bất động sản.

Từ các nội dung được quy định tại Điều 127 ở trên, có thể rút ra một vài nhận xét như sau:

Thứ nhất, nguyên tắc luật nơi thường trú của vợ chồng được áp dụng để điều chỉnh quan hệ ly hôn có yếu tố nước ngoài. Đó là pháp luật của nước nơi vợ chồng cùng thường trú hoặc có thể là pháp luật của nước nơi thường trú của một bên vợ, chồng (là công dân Việt Nam).

Thứ hai, Khoản 2 Điều 127 quy định chưa rõ ràng "trường hợp một bên là công dân Việt Nam...", vậy bên còn lại có bao gồm chủ thể là người Việt Nam định cư ở nước ngoài không? Chính vì sự thiếu rõ ràng này dẫn đến các Tòa án Việt Nam, khi giải quyết các vụ việc ly hôn giữa công dân Việt Nam mà có ít nhất một bên người Việt Nam định cư ở nước ngoài, có cách thức xác định pháp luật áp dụng hoàn toàn khác nhau. Ví dụ, chị Vũ Thị Kiều N (công dân Việt Nam, thường trú tại tỉnh Đồng Nai) nộp đơn tại TAND tỉnh Đồng Nai yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Trọng Đ (công dân Việt Nam, định cư tại Hoa Kỳ). Theo Bản án số 37/2017/HNGĐ-ST ngày 11/08/2017 thì TAND tỉnh Đồng Nai đã áp dụng các quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chứ không phải là các quy định tại Chương VIII Luật hôn nhân và gia đình 2014 về quan hệ hôn nhân và

<sup>1</sup>Ở đây, tác giả không xét đến trường hợp bên còn lại là công dân nước ngoài vì là chủ thể "dương nhiên" được đề cập đến tại quy định này. Tác giả cũng không phân tích trường hợp công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, lao động (có thời hạn)... và địa chỉ thường trú vẫn ở Việt Nam thì không được xem là người Việt Nam định cư ở nước ngoài (vì không đáp ứng được tiêu chí cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở nước ngoài) nhưng thực tiễn xét xử ở một số Tòa án thì cho rằng những trường hợp này được xem là "người Việt Nam định cư ở nước ngoài" và do đó, xác định đây là quan hệ ly hôn có yếu tố nước ngoài. Xem thêm: Bản án số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 28/08/2018 của TAND tỉnh Tuyên Quang, <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-012018hngdst-ngay-28082018-ve-ly-hon-co-yeu-to-nuoc-ngoai-47227>; Bản án số 20/2019/HNGĐ-ST ngày 25/10/2019 của TAND tỉnh Quảng Bình, <http://diendanngheluat.vn/upload/files/TONG%20HOP%20BAN%20AN%20-%20TRANH%20CHAP%20LY%20HON%20CO%20YEU%20TO%20NUOC%20NGOAI.pdf>, truy cập ngày 29/12/2020.

gia đình có yếu tố nước ngoài để giải quyết vụ việc [<sup>9</sup>, tr.64].

Hay tại Bản án số 59/2016/HNGĐ-ST ngày 30/09/2016 của TAND tỉnh Nghệ An xét xử vụ án ly hôn giữa Nguyễn đơn là chị Đậu Thị H (công dân Việt Nam, thường trú tại tỉnh Nghệ An) và Bị đơn là anh Trần Khắc T (công dân Việt Nam, định cư ở Đức). Tòa án cũng áp dụng Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014 [<sup>9</sup>, tr.94].

Tuy nhiên, tại Bản án số 79/2019/HNGĐ-ST ngày 20/11/2019 của TAND thành phố Đà Nẵng liên quan đến vụ việc ly hôn giữa ông Trương Quang Hoàng V (công dân Việt Nam, thường trú tại Đà Nẵng) và bà Huỳnh M (công dân Việt Nam, định cư tại Hoa Kỳ), TAND thành phố Đà Nẵng đã áp dụng Điều 122 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình 2014 để làm căn cứ giải quyết việc ly hôn cho các đương sự [<sup>9</sup>, tr.26]. Bản án số 16/2017/HNGĐ-ST ngày 12/04/2018 của TAND thành phố Đà Nẵng được ban hành trước đó cũng theo hướng tương tự [<sup>9</sup>, tr.43].

Theo quan điểm của tác giả, trong việc ly hôn giữa một bên là công dân Việt Nam và một bên là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài thì luật áp dụng cho quan hệ này là pháp luật của nước nơi vợ chồng có cùng quốc tịch, tức là pháp luật Việt Nam (cụ thể là Luật Hôn nhân và gia đình 2014). Trường hợp một bên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã từ bỏ quốc tịch Việt Nam thì đây là ly hôn có yếu tố nước ngoài và do đó, quy định của Tư pháp quốc tế Việt Nam (Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình 2014) sẽ được áp dụng.

Thứ ba, quy định tại Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chưa bao hàm hết các tình huống phát sinh trong thực tế, chẳng hạn như công dân nước X thường trú tại Việt Nam nộp đơn tại Tòa án Việt Nam yêu cầu được ly hôn với công dân nước Y thường trú tại nước Y, vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ việc ly hôn trên là pháp luật nước X, nước Y hay pháp luật Việt Nam<sup>9</sup>?

Trước năm 2010, pháp luật EU chưa có một văn bản nào quy định về cách thức giải quyết xung đột pháp luật trong ly hôn có yếu tố nước ngoài. Nhằm tạo một sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật giữa các Quốc gia thành viên và tránh vụ việc trở nên phức tạp, Ủy ban Châu Âu (EC) đã đề xuất một số giải pháp

<sup>9</sup>Trong trường hợp này, Tòa án cần áp dụng Điều 122 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định về áp dụng pháp luật đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Nếu Điều 122 không chứa đựng nội dung liên quan thì Tòa án cần viện dẫn các quy định về xác định pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài của BLDS 2015 (Điều 664). Tuy nhiên, đây chỉ là cách thức gián tiếp, chúng ta cần một quy phạm pháp luật trực tiếp quy định luật áp dụng đối với ly hôn có yếu tố nước ngoài.

để xác định pháp luật áp dụng đối với các vấn đề liên quan đến ly hôn. Các đề xuất này được tổng hợp trong một văn bản gọi là *Green Paper*<sup>10</sup>. Theo đó, luật áp dụng cho ly hôn có yếu tố nước ngoài là pháp luật của nước nơi có mối liên hệ mật thiết nhất. Đó có thể là pháp luật của nước nơi vợ chồng cùng cư trú ngay trước thời điểm yêu cầu ly hôn; pháp luật của nước mà vợ chồng cùng thỏa thuận lựa chọn; pháp luật của nước nơi vợ chồng có cùng quốc tịch...

Ngày 20/12/2010, EU đã ban hành chính thức Nghị định số 1259/2010 về triển khai tăng cường hợp tác trong lĩnh vực luật áp dụng cho ly hôn và ly thân hợp pháp (gọi tắt là *Rome III*)<sup>11</sup> và thống nhất như sau:

Các bên có quyền thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng đối với ly hôn và ly thân (Điều 5.1 Nghị định<sup>P</sup>). Đó là pháp luật của một trong các nước sau: (i) pháp luật của nước nơi vợ chồng cư trú thường xuyên vào thời điểm xác lập thỏa thuận; (ii) Pháp luật của nước nơi cư trú cuối cùng của vợ chồng và một trong các bên vẫn cư trú thường xuyên tại đó vào thời điểm xác lập thỏa thuận; (iii) pháp luật của nước mà một trong các bên là công dân vào thời điểm xác lập thỏa thuận hoặc; (iv) pháp luật của nước có Tòa án giải quyết vụ việc.

Trường hợp các bên không thỏa thuận chọn luật áp dụng thì pháp luật của một trong các nước sau sẽ được áp dụng (theo thứ tự) để điều chỉnh việc ly hôn (Điều 8 Nghị định<sup>Q</sup>):

- Pháp luật của nước nơi vợ chồng cư trú thường xuyên vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ việc;

- Pháp luật của nước nơi cư trú cuối cùng của vợ chồng với điều kiện là thời hạn cư trú không kết thúc trước 01 năm kể từ ngày Tòa án thụ lý và một trong các bên vẫn cư trú tại đó.

- Pháp luật của nước mà vợ chồng có cùng quốc tịch;

- Pháp luật của nước có Tòa án giải quyết vụ việc.

Các quy định tương tự cũng được tìm thấy tại Điều 55 Luật Tư pháp quốc tế của Bỉ<sup>12</sup> về luật áp dụng đối với ly hôn và ly thân<sup>r</sup>:

<sup>P</sup>Nguyên văn: "The spouses may agree to designate the law applicable to divorce and legal separation provided that it is one of the following laws: (a) the law of the State where the spouses are habitually resident at the time the agreement is concluded; or (b) the law of the State where the spouses were last habitually resident, in so far as one of them still resides there at the time the agreement is concluded; or (c) the law of the State of nationality of either spouse at the time the agreement is concluded; or (d) the law of the forum".

<sup>Q</sup>Nguyên văn: "In the absence of a choice pursuant to Article 5, divorce and legal separation shall be subject to the law of the State: (a) where the spouses are habitually resident at the time the court is seized; or, failing that (b) where the spouses were last habitually resident, provided that the period of residence did not end more than 1 year before the court was seized, in so far as one of the spouses still resides in that State at the time the court is seized; or, failing that (c) of which both spouses are nationals at the time the court is seized; or, failing that (d) where the court is seized".

<sup>r</sup>Nguyên văn: "§1. Divorce and legal separation are governed: 1° by the law of the State where both spouses have their habitual residence

(1) Ly hôn và ly thân được điều chỉnh bởi:

- Pháp luật của nước nơi vợ chồng cư trú thường xuyên tại thời điểm yêu cầu;

- Pháp luật của nước nơi cư trú cuối cùng của vợ chồng và một trong các bên vẫn cư trú ở đây tại thời điểm yêu cầu;

- Pháp luật của nước mà vợ chồng có cùng quốc tịch;

- Nếu không thuộc các trường hợp ở trên, pháp luật Bỉ được áp dụng.

(2) Các bên có thể thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng cho vấn đề ly hôn và ly thân. Tuy nhiên, các bên chỉ có thể lựa chọn pháp luật của một trong các nước sau:

- Pháp luật của nước mà vợ chồng đều là công dân tại thời điểm yêu cầu;

- Pháp luật Bỉ.

Như vậy, nguyên tắc nơi thường trú chung của vợ chồng được ưu tiên áp dụng, nếu vợ chồng không có nơi thường trú chung thì sẽ áp dụng nguyên tắc luật quốc tịch. Trường hợp không thể áp dụng hai nguyên tắc trên thì luật áp dụng là pháp luật của nước nơi có Tòa án nhận được đơn kiện.

Một vấn đề cũng cần phải nhấn mạnh là, Tư pháp quốc tế Bỉ cho phép các bên có quyền thỏa thuận chọn luật áp dụng đối với ly hôn có yếu tố nước ngoài, thế nhưng, việc lựa chọn này có giới hạn nhất định, theo đó, các bên chỉ được lựa chọn pháp luật của nước mà vợ chồng là công dân hoặc pháp luật Bỉ. Ngược lại, Nghị định Rome III mở rộng phạm vi chọn luật của các bên và đó đều là pháp luật của các nước có mối liên hệ mật thiết với vấn đề pháp lý này.

Từ góc độ so sánh, đánh giá tính hợp lý và dựa trên mối liên hệ mật thiết, tác giả thấy rằng, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên được sửa đổi theo hướng quy định bao quát hơn để có thể giải quyết tối đa các tình huống phát sinh từ thực tiễn, cụ thể, pháp luật áp dụng đối với ly hôn có yếu tố nước ngoài là:

- Pháp luật của nước nơi thường trú chung của vợ chồng tại thời điểm yêu cầu ly hôn. Nếu các bên không có nơi thường trú chung, pháp luật của nước nơi thường trú của một trong các bên được áp dụng;

- Pháp luật của nước mà vợ chồng có cùng quốc tịch;

*when the action is introduced; 2° in the absence of a habitual residence on the territory of one State, by the law of the State on the territory of which the last joint habitual residence of the spouses was located if one of them has his habitual residence on the territory of that State when the action is introduced; 3° in the absence of the habitual residence of one of the spouses on the territory of the State where the last joint habitual residence was located, by the law of the State of which both spouses have the nationality when the action is introduced; 4° in other cases, by Belgian law; §2. The spouses may however choose the law, which will apply to the divorce or the legal separation. They can only designate one of the following laws: 1° the law of the State of both spouses' nationality when the action is introduced; 2° Belgian law. The choice has to be expressed at the time of the first appearance in court".*

- Pháp luật Việt Nam.

Thực tiễn Việt Nam cho thấy, chúng ta chưa nên cho phép các bên được thỏa thuận chọn luật áp dụng đối với vấn đề ly hôn, bởi lẽ, quan hệ này không đơn thuần chỉ là phân chia tài sản giữa vợ và chồng mà còn ảnh hưởng rất lớn đến quyền nhân thân, quyền của con chung. Do đó, với trình độ dân trí chưa cao, lại không đồng đều giữa các vùng miền, rất dễ dẫn đến trường hợp một bên áp đặt ý chí của mình vào bên còn lại. Mặt khác, quan hệ hôn nhân và gia đình còn gắn liền với văn hóa, tín ngưỡng và phong tục của mỗi quốc gia. Chính vì vậy, các bên không được phép chọn luật áp dụng cũng là một trong những cách thức bảo vệ trật tự công cộng và tránh tình trạng lẩn tránh pháp luật<sup>5</sup>, những vấn đề mà vốn dĩ nền Tư pháp nước nhà chưa đủ mạnh để có thể đương đầu.

## KẾT LUẬN

Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nói chung và ly hôn có yếu tố nước ngoài nói riêng là một trong những quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài phổ biến nhất tại Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, khung pháp lý điều chỉnh vấn đề ly hôn vẫn tồn tại một số bất cập cả về mặt lý luận và thực tiễn dẫn đến việc áp dụng pháp luật còn gây nhiều khó khăn cho các chủ thể liên quan.

Nguyên tắc luật nơi cư trú và nguyên tắc luật quốc tịch được ưu tiên áp dụng để xác định thẩm quyền của Tòa án quốc gia và giải quyết xung đột pháp luật trong ly hôn có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, nếu hai nguyên tắc trên không thể được áp dụng vì thiếu điều kiện cần thiết thì giải pháp cuối cùng là sử dụng nguyên tắc luật tòa án (Lex fori). Đây là các nguyên tắc được thừa nhận rộng rãi trong Tư pháp quốc tế các nước và Việt Nam cần sửa đổi không chỉ để phù hợp với thông lệ quốc tế mà còn giúp các bên giải quyết vụ việc một cách dễ dàng hơn; Từ đó, bảo đảm tối đa quyền và lợi ích của các bên trong quan hệ quốc tế.

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLTTDS 2015: Bộ luật Tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13.

BLDS 2015: Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13.

HĐTTTP: Hiệp định tương trợ tư pháp

TAND: Tòa án Nhân dân

EU: Liên minh Châu Âu

<sup>5</sup>Lẩn tránh pháp luật là hiện tượng đương sự dùng những biện pháp cũng như thủ đoạn để tránh việc áp dụng hệ thống pháp luật đáng lẽ phải được áp dụng điều chỉnh các quan hệ của họ và nhằm tới hệ thống pháp luật khác có lợi hơn. Đương sự thường tìm cách lẩn tránh pháp luật bằng các thủ đoạn như thay đổi nơi cư trú, thay đổi quốc tịch, thay đổi tính chất của tài sản... hoặc thỏa thuận lựa chọn pháp luật của nước mà có lợi hơn cho mình.

## TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT

Tác giả xin cam đoan rằng không có bất kỳ xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

## TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Toàn bộ nội dung bài viết chỉ do tác giả thực hiện.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Ngoại giao Việt Nam. Danh mục các Hiệp định về tương trợ tư pháp và pháp lý giữa Việt Nam và các nước. 2017; Available from: <https://lanhsuvietsnam.gov.vn/Lists/BaiViet/B%C3%A0i%20vi%E1%BA%BFt/DispForm.aspx?List=dc7c7d75%2D6a32%2D4215%2Dafeb%2D47d4bee70eee&ID=414>.
2. Luật Quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 13/11/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2009;.
3. Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 16/06/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;.
4. Bộ luật Tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;.
5. Tòa án Nhân dân Tối cao. Bản án về tranh chấp hôn nhân và gia đình. 2018; Available from: [http://congboaban.toaan.gov.vn/5ta230236t1cvn/TU\\_\\_WILIAM\\_\\_Ly\\_hon\\_ma\\_hoa.pdf](http://congboaban.toaan.gov.vn/5ta230236t1cvn/TU__WILIAM__Ly_hon_ma_hoa.pdf).
6. Tòa án Nhân dân Tối cao. Bản án về ly hôn. 2019; Available from: [http://congboaban.toaan.gov.vn/5ta262283t1cvn/Dang\\_an\\_\\_MINGTHOA.pdf](http://congboaban.toaan.gov.vn/5ta262283t1cvn/Dang_an__MINGTHOA.pdf).
7. Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 19/06/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;.
8. Thu BT. Giáo trình tư pháp quốc tế. Hà Nội. Nxb. Giáo dục Việt Nam; 2012;.
9. Công ty Luật FVDN. Tổng hợp 20 bản án về ly hôn có yếu tố nước ngoài có yếu cầu về chia tài sản hoặc có yếu cầu về quyền trực tiếp nuôi con. 2020; Available from: <http://diendanngluat.vn/upload/files/TONG%20HOP%20BAN%20AN%20%20TRANH%20CHAP%20LY%20HON%20CO%20YEU%20TO%20NUOC%20NGOAI.pdf>.
10. European Commission. Applicable law and jurisdiction in divorce matters (Green Paper). 2006; Available from: <https://eur-lex.europa.eu/legalcontent/EN/TXT/HTML/?uri=LEGISSUM:l33255&from=ES>.
11. Regulation No. 1259/2010 dated 20/12/2010 of EC implementing enhanced cooperation in the area of the law applicable to divorce and legal separation;.
12. Law of 16 July 2004 holding the Code of Private International Law of Belgium;.